

TỔNG QUAN CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ LỒNG GHÉP CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TẠI ĐỊA BÀN KHÓ KHĂN

Thái Thị Nhung¹, Hồ Ngọc Ninh^{2*}, Lại Phương Thảo³, Trương Ngọc Tín², Phương Đoàn⁴

¹*Khoa Kinh tế và Quản lý, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

²*Khoa Du lịch và Ngoại ngữ, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

³*Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

⁴*Viện Chiến lược và Chính sách dân tộc - Tôn giáo, Học viện Dân tộc*

*Tác giả liên hệ: hnninh@vnua.edu.vn

Ngày nhận bài: 01.11.2025

Ngày chấp nhận đăng: 10.12.2025

TÓM TẮT

Các chương trình mục tiêu quốc gia trong giai đoạn 2021-2025 đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt tại các địa bàn khó khăn, vùng sâu, vùng xa của Việt Nam. Bằng cách tập trung nguồn lực tài chính, kỹ thuật và nhân lực, các chương trình không chỉ nâng cấp hạ tầng, phát triển sản xuất và dịch vụ cơ bản mà còn cải thiện sinh kế, nâng cao chất lượng cuộc sống và góp phần giảm nghèo, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng miền. Tuy nhiên, quá trình triển khai các chương trình cũng bộc lộ một số hạn chế và bất cập, đòi hỏi cần được rà soát, đánh giá toàn diện để định hướng cho giai đoạn 2026-2030. Trên cơ sở đó, bài viết này nhằm làm rõ cơ sở lý thuyết, tổng hợp và phân tích kinh nghiệm quốc tế về lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia, nhận diện kết quả cũng như những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện giai đoạn 2021-2025 và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả lồng ghép các chương trình trong giai đoạn 2026-2030.

Từ khóa: Lồng ghép, chương trình mục tiêu quốc gia, địa bàn khó khăn, dân tộc thiểu số.

Overview of Theoretical Issues and Practical Experiences for Mainstreaming National Target Programs in Disadvantaged Areas

ABSTRACT

During the 2021-2025 period, the National Target Programs played a pivotal role in promoting socio-economic development, particularly in disadvantaged and remote areas of Vietnam. By concentrating financial, technical, and human resources, these Programs not only upgraded infrastructure, developed production and basic services, but also improved livelihoods, enhanced living standards, contributed to poverty reduction, and narrowing development gaps across regions. However, their implementation also revealed certain limitations and shortcomings, necessitating a comprehensive review and evaluation to guide the 2026-2030 period. Accordingly, this paper aimed to clarify the theoretical issues, synthesize and analyze international experiences in mainstreaming National Target Programs, identify achievements as well as challenges encountered during the 2021-2025 implementation phase, and propose solutions to enhance the effectiveness of program mainstreaming in the 2026-2030 period.

Keywords: Mainstream, national target programs, disadvantaged areas, ethnic minority.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã triển khai đồng bộ các chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại các địa bàn khó khăn, chủ yếu là vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền

núi (DTTS&MN), nơi chỉ chiếm khoảng 14,6% dân số nhưng chiếm trên 52% tổng số hộ nghèo cả nước. Với điều kiện kinh tế - xã hội lạc hậu, hạ tầng thiếu thốn, dịch vụ cơ bản hạn chế, mức sống, thu nhập thấp hơn nhiều so với bình quân cả nước nên cần được ưu tiên đặc biệt (Trần Ngọc Ngân & Nguyễn Thị Thanh Hà, 2025).

Việc triển khai CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN giai đoạn 2021-2025 cùng các CTMTQG liên quan như giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới (NTM) là hết sức cần thiết. Đây là một trong những nỗ lực lớn của Chính phủ Việt Nam trong việc tạo ra sự phát triển công bằng và bền vững cho địa bàn khó khăn, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, hướng tới sự phát triển toàn diện của đất nước (Linh & cs., 2024; Ninh & cs., 2024). Sau 5 năm triển khai, các chương trình này đã đóng vai trò quan trọng trong việc giảm nghèo, cải thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, đồng thời giúp người dân vùng DTTS&MN tiếp cận tốt hơn các dịch vụ xã hội cơ bản như y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, vệ sinh và thông tin, từ đó thu hẹp khoảng cách phát triển với bình quân chung cả nước (Ban Chỉ đạo Trung ương các CTMTQG giai đoạn 2021-2025, 2025; Bộ Dân tộc và Tôn giáo, 2025).

Tuy nhiên, do tính chất tổng hợp và phạm vi bao trùm nhiều lĩnh vực, quá trình triển khai các CTMTQG giai đoạn 2021-2025 đã bộc lộ không ít hạn chế và vướng mắc. Cụ thể, giữa các CTMTQG có nhiều điểm trùng nhau về đối tượng, phạm vi, nội dung, nguyên tắc thực hiện: (1) Về phạm vi địa bàn thực hiện, trùng nhau về các xã, thôn, vùng DTTS&MN, vùng đặc biệt khó khăn (ĐBKK); (2) Về đối tượng, trùng nhau đối tượng là người DTTS sinh sống trên địa bàn vùng DTTS, hộ nghèo, cận nghèo là người kinh ở vùng ĐBKK; các cơ sở kinh doanh, sản xuất ở vùng ĐBKK; (3) Về nội dung chính sách, trùng nhau về đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng nông thôn, cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp; hỗ trợ sản xuất nông, lâm nghiệp, sinh kế; đào tạo nghề, phát triển giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm; hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo (Nguyễn Hoàng, 2025). Nếu không sớm có giải pháp khắc phục, đây sẽ trở thành rào cản lớn, ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả thực hiện các chương trình trong giai đoạn tới (Phuong, 2023). Thực tiễn đó đặt ra yêu cầu cấp thiết phải đánh giá toàn diện kết quả triển khai, rà soát cơ chế chính sách và phương thức lồng ghép các CTMTQG, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, tránh trùng lặp, đặc biệt trong bối

cảnh sau sáp nhập đơn vị hành chính và vận hành chính quyền hai cấp. Việc làm rõ cơ sở khoa học cho công tác lồng ghép giúp tối ưu hóa nguồn lực đầu tư cho vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026-2030, góp phần nâng cao hiệu quả giảm nghèo, cải thiện hạ tầng và tăng cường năng lực tự chủ sinh kế cho đồng bào (Văn phòng Chính phủ, 2025).

Bằng phương pháp tổng quan tài liệu đã xuất bản ở trong và ngoài nước, các báo cáo, văn bản chính sách của Quốc hội, Chính phủ và các bộ ban ngành liên quan, bài viết này nhằm: (1) Làm rõ cơ sở lý luận về lồng ghép các CTMTQG tại địa bàn khó khăn; (2) Tổng hợp một số kinh nghiệm quốc tế liên quan đến lồng ghép các CTMTQG tại địa bàn khó khăn; (3) Phân tích một số kết quả chính đạt được và những khó khăn, vướng mắc khi thực hiện lồng ghép các CTMTQG ở địa bàn khó khăn tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025 và (4) Đề xuất một số gợi ý cho việc lồng ghép các CTMTQG trong giai đoạn 2026-2030.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ LỒNG GHÉP CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TẠI ĐỊA BÀN KHÓ KHĂN

2.1. Một số khái niệm liên quan đến lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia tại địa bàn khó khăn

2.1.1. Khái niệm chương trình mục tiêu quốc gia

Trên thế giới, CTMTQG là các sáng kiến phát triển ở quy mô quốc gia, do Chính phủ chủ trì, nhằm đạt được các mục tiêu phát triển cụ thể trong một giai đoạn xác định. Các chương trình này thường tập trung vào các lĩnh vực trọng điểm như giảm nghèo, phát triển nông thôn, y tế, giáo dục và hạ tầng cơ bản (Ahmad, 2002; Moschitskaya, 2010). Về góc độ quản lý nhà nước, đây là hình thức quản lý tập trung, nhằm huy động và phân bổ nguồn lực vào những lĩnh vực chiến lược, đồng thời bảo đảm sự phối hợp liên ngành và liên vùng (World Bank, 2018). Dưới góc độ khoa học về chính sách, CTMTQG có thể coi là một chương trình chính

sách, trong đó các mục tiêu, kết quả đầu ra và chỉ số đánh giá được thiết kế rõ ràng, hướng đến thúc đẩy hiệu quả chính sách và liên kết với các mục tiêu phát triển bền vững (UNDP, 2017). Ở Việt Nam, Khoản 9, Điều 4 Luật Đầu tư công năm 2019 và Khoản 10, Điều 4, Luật Đầu tư công năm 2024 nêu khái niệm CTMTQG là chương trình đầu tư công nhằm thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của từng giai đoạn cụ thể trong phạm vi cả nước. Theo đó, có thể hiểu CTMTQG là một trong những chương trình thuộc lĩnh vực đầu tư công, được xây dựng để thực hiện các mục tiêu quan trọng về kinh tế - xã hội của đất nước theo từng giai đoạn cụ thể trên phạm vi toàn lãnh thổ Việt Nam (Quốc hội, 2019; 2024).

2.1.2. Khái niệm lồng ghép

Theo UNEP (2016) và UNDP (2017), lồng ghép là quá trình tích hợp các mục tiêu hoặc chương trình phát triển vào hệ thống chính sách, kế hoạch và ngân sách quốc gia, nhằm đảm bảo tính nhất quán và hiệu quả trong thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Lồng ghép còn được hiểu là cơ chế kết nối chi tiêu ngân sách với kết quả thực tế của các chương trình và dự án, đồng thời tích hợp vai trò của các ngành, các cấp chính quyền và các bên liên quan để đạt mục tiêu phát triển bền vững (World Bank, 2018). Ở Việt Nam, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 (sửa đổi bởi Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023) không nêu cụ thể khái niệm lồng ghép các CTMTQG mà chỉ quy định về lồng ghép nguồn vốn thực hiện các CTMTQG là việc sử dụng vốn của nhiều chương trình, dự án để đầu tư thực hiện công trình, dự án, hoạt động có cùng mục tiêu, nội dung và được thực hiện trên cùng một địa bàn nhằm huy động tối đa các nguồn vốn để thực hiện CTMTQG (Chính phủ, 2022). Như vậy, có thể hiểu, lồng ghép là quá trình tích hợp có hệ thống các mục tiêu, nội dung và nguồn lực của nhiều chương trình, chính sách vào cùng một khuôn khổ kế hoạch, nhằm đảm bảo tính thống nhất, hiệu quả trong sử dụng nguồn lực và đạt được các mục tiêu phát triển bền vững.

2.1.3. Khái niệm địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn là khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được nêu trong Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân định vùng đồng bào DTTS&MN theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025. Trong đó, xã khu vực III là xã đặc biệt khó khăn, xã khu vực II là xã còn khó khăn và xã khu vực I là xã bước đầu phát triển. Và như vậy, địa bàn khó khăn là các xã, thôn vùng DTTS&MN có tỷ lệ hộ nghèo cao, kinh tế - xã hội chậm phát triển, chất lượng nguồn nhân lực thấp, hạ tầng cơ sở yếu kém, nhất là về giao thông, điều kiện khám, chữa bệnh, học tập của người dân còn khó khăn... Đối với địa bàn này, Nhà nước ưu tiên tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển nguồn nhân lực và tạo điều kiện cho người dân tiếp cận với những dịch vụ cơ bản để từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển với các vùng, miền khác (Thủ tướng Chính phủ, 2020).

2.2. Vai trò, ý nghĩa của lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia tại địa bàn khó khăn

Việc lồng ghép các CTMTQG tại địa bàn khó khăn đóng vai trò quan trọng trong việc đồng bộ và thống nhất mục tiêu, tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nguồn lực và hạn chế tối đa tình trạng chồng chéo chính sách (Bộ Nông nghiệp và Môi trường, 2025). Việc phối hợp này cho phép các chương trình kết nối và bổ trợ lẫn nhau theo cùng một định hướng phát triển, qua đó giảm thiểu xung đột hoặc mâu thuẫn trong quá trình thực thi (Đăng Doanh, 2025). Việc triển khai riêng rẽ khiến nguồn lực bị phân tán, giải ngân chậm, làm giảm hiệu quả đầu tư và chưa tận dụng được tính bổ trợ giữa các chương trình (Xuân Hoa, 2025). Lồng ghép các CTMTQG là việc làm cần thiết, nhằm tránh dàn trải, tận dụng tối đa nguồn lực tài chính và nhân lực, đồng thời tăng tính liên kết giữa các chương trình. Trong thực tiễn, điều này giúp đảm bảo chương trình đạt hiệu quả thực chất, tránh chồng chéo, đồng thời nâng cao tính bền vững xã hội và phát triển toàn diện cho địa bàn khó khăn (Văn phòng Chính phủ, 2025). Mặt khác, các chương trình đều hướng tới đối tượng

là người dân nông thôn vùng DTTS&MN nên việc lồng ghép các CTMTQG cho phép thống nhất cơ chế quản lý và điều hành, giảm bớt thủ tục hành chính cho cấp cơ sở, tăng tính linh hoạt, hiệu quả hơn trước các thách thức phức tạp, đa chiều trong quản lý chính sách và phát triển đất nước (Nguyễn Hoàng, 2025).

2.3. Nguyên tắc lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia tại địa bàn khó khăn

Tại Khoản 1, Điều 10, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ đã nêu rõ 6 nguyên tắc lồng ghép các CTMTQG bao gồm: (1) Lồng ghép các CTMTQG phải được thực hiện đồng bộ từ khâu xây dựng chính sách, lập kế hoạch, phân bổ, giao dự toán ngân sách, đến việc sử dụng, thanh toán và quyết toán vốn; (2) Việc lồng ghép chỉ được áp dụng khi có trùng lặp về nội dung, đối tượng và phạm vi địa bàn thực hiện, đồng thời phải đảm bảo không làm thay đổi mục tiêu, nhiệm vụ riêng của từng chương trình; (3) Ưu tiên lồng ghép nguồn vốn các chương trình, dự án khác không thuộc CTMTQG nhưng có cùng mục tiêu, đối tượng thụ hưởng, nội dung hoạt động và được thực hiện trên cùng một địa bàn; (4) Tập trung lồng ghép các nguồn vốn thực hiện nội dung, hoạt động trên địa bàn các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN; (5) Lấy nội dung, hoạt động, dự án đầu tư thuộc CTMTQG làm trọng tâm để thực hiện việc lồng ghép và (6) Phân công, phân cấp rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp trong thực hiện lồng ghép. Như vậy, 6 nguyên tắc trên tạo cơ sở pháp lý để triển khai cơ chế lồng ghép minh bạch, hiệu quả, phản ánh sự chuyển đổi tư duy trong quản trị công của Chính phủ Việt Nam từ cách tiếp cận hành chính theo ngành sang quản lý phát triển dựa trên kết quả và vùng ưu tiên.

2.4. Yếu tố ảnh hưởng đến lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia tại địa bàn khó khăn

Việc lồng ghép các CTMTQG tại địa bàn khó khăn chịu tác động của nhiều yếu tố kinh

tế - xã hội và tổ chức. Thứ nhất, khung thể chế và chính sách giữ vai trò nền tảng; các quy định thiếu đồng bộ dễ gây chồng chéo trong phạm vi, nhiệm vụ và nguồn lực (Ủy ban Dân tộc, 2024; World Bank, 2025). Thứ hai, hiệu quả lồng ghép phụ thuộc vào nguồn lực tài chính và cơ chế phân bổ vốn linh hoạt, trong khi nhiều địa phương còn hạn chế ngân sách và vốn đối ứng (UNDP, 2023). Thứ ba, năng lực lập kế hoạch, điều hành và giám sát của chính quyền cơ sở còn bất cập, dẫn tới chồng chéo trong triển khai (Phan Thị Tuyết Minh, 2022). Thứ tư, đặc điểm kinh tế - xã hội và điều kiện tự nhiên khác nhau khiến mức độ hưởng lợi giữa các nhóm DTTS không đồng đều, làm giảm tính khả thi của hoạt động lồng ghép (Báo Dân tộc và Phát triển, 2024). Thứ năm, sự tham gia của cộng đồng và các bên liên quan quyết định tính bền vững và khả năng huy động nguồn lực xã hội (Trang & cs., 2014; Tung & cs., 2022). Thứ sáu, cơ chế giám sát, đánh giá và chia sẻ thông tin còn thiếu thống nhất, làm hạn chế khả năng theo dõi, tránh trùng lặp và nâng cao hiệu quả phối hợp (Do & cs., 2015; World Bank, 2017).

3. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ LỒNG GHÉP CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TẠI ĐỊA BÀN KHÓ KHĂN

Ở nhiều quốc gia, CTMTQG không chỉ dừng lại ở việc đầu tư cơ sở hạ tầng, mà còn được thiết kế như một chương trình phát triển đa ngành, lồng ghép nhiều chính sách liên quan đến nông nghiệp, giáo dục, y tế, an sinh xã hội, môi trường, bình đẳng giới và quản trị cộng đồng. Việc lồng ghép và phối hợp các chính sách, chương trình đã tạo ra hiệu ứng tổng hợp, vừa tối ưu hóa nguồn lực, vừa tránh chồng chéo, vừa phát huy được sức mạnh của nhiều bên liên quan. Điển hình, một số nước như Hàn Quốc, Trung Quốc, Thái Lan hay một số quốc gia châu Âu đã thành công nhờ áp dụng cơ chế phối hợp đồng bộ giữa trung ương và địa phương, gắn kết chính sách phát triển nông thôn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và hội nhập quốc tế.

3.1. Chính sách phát triển Làng thông minh ở châu Âu

Làng thông minh (Smart Village) là một sáng kiến của Liên minh châu Âu nhằm thúc đẩy phát triển nông thôn thông qua ứng dụng công nghệ số, nâng cao kết nối, chất lượng dịch vụ và sự tham gia cộng đồng (Harakaľová, 2018; European Parliament, 2021; Stojanova, 2021). Chính sách này đặt trọng tâm vào **ba trụ cột chính là**: (1) cải thiện khả năng kết nối số và hạ tầng thông minh; (2) phát triển các dịch vụ công và doanh nghiệp dựa trên công nghệ và (3) tăng cường năng lực tổ chức cộng đồng và sự tham gia của người dân vào quá trình ra quyết định (Stenson, 2017). Kinh nghiệm EU nhấn mạnh vai trò của phối hợp đa ngành, đổi mới sáng tạo, công nghệ số và đối tác công - tư trong nâng cao hiệu quả và sinh kế nông thôn (ENRD, 2018; European Commission, 2017). Áp dụng cho Việt Nam, CTMTQG cần lấy người dân làm trung tâm, thúc đẩy chuyển đổi số, linh hoạt phân bổ nguồn lực và lồng ghép đa chương trình để nâng cao tính đồng bộ, tránh chồng chéo và hướng tới phát triển bền vững, bao trùm tại vùng khó khăn.

3.2. Phong trào Làng mới ở Hàn Quốc

Phong trào Làng mới (Saemaul Undong) là chương trình phát triển do cộng đồng dẫn dắt của Hàn Quốc bắt đầu từ những năm 1970, trong bối cảnh nông thôn còn nghèo nàn, lạc hậu, cộng đồng thụ động, thiếu tự chủ và chịu nhiều vấn đề về đói nghèo, dịch bệnh. Phong trào này đã thành công trong việc nâng cao đời sống nông thôn thông qua ba nguyên tắc là cần cù, tự lực và hợp tác (ADB, 2012). Mô hình này khuyến khích cộng đồng tham gia tích cực vào các hoạt động phát triển, từ đó nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững (Hanh & cs., 2015). Việc thực hiện phong trào Làng mới diễn ra theo 3 giai đoạn liên tiếp, tập trung vào cơ sở hạ tầng cơ bản (Giai đoạn I); phát triển kinh tế và xã hội tổng thể (Giai đoạn II) và nhân rộng (Giai đoạn III), tức là mở rộng phạm vi tiếp cận của người dân, những người đã chấp nhận các nguyên tắc dẫn đến thành công của

phong trào trong cả trung và dài hạn (ADB, 2012). Ba bài học được rút ra bao gồm: (i) cần có những người lãnh đạo làng có năng lực để phong trào thành công ở cấp địa phương; (ii) thành công của phong trào phụ thuộc vào sự tham gia tích cực của cư dân làng và (iii) các khoản trợ cấp của chính phủ cho phong trào nên được phân bổ giữa các làng trên cơ sở cạnh tranh.

Kinh nghiệm từ phong trào Làng mới trong việc thực hiện các CTMTQG của Việt Nam đó là khơi dậy tinh thần tự lực, cần cù và hợp tác trong phát triển nông thôn, đồng thời nhấn mạnh vai trò của cộng đồng trong mọi giai đoạn từ lập kế hoạch đến tổ chức thực hiện (Trang & cs., 2014). Chính phủ cần có chiến lược huy động nguồn lực để thay đổi thái độ của người dân và tăng cường sự tham gia của họ vào phong trào phát triển nông thôn Việt Nam (Hanh & cs., 2015). Ngoài ra, phong trào này cũng cho thấy vai trò quan trọng của bộ máy lãnh đạo cấp cơ sở, đào tạo nhân lực và sự phối hợp giữa các ngành trong tổ chức thực hiện (KOICA, 2015).

3.3. Phong trào mỗi làng một sản phẩm ở Thái Lan

Phong trào phát triển mỗi làng một sản phẩm (One Tambon one Product - OTOP) được Chính phủ Thái Lan khởi xướng năm 2001, lấy cảm hứng từ phong trào “Mỗi làng, một sản phẩm” của Nhật Bản, nhằm phát triển kinh tế nông thôn dựa trên nguồn lực và sự tham gia của cộng đồng (Claymone & Wareenil, 2012). chương trình tập trung vào 5 mục tiêu: (1) tạo việc làm và tăng thu nhập cho cộng đồng; (2) phát huy trí tuệ địa phương; (3) củng cố cộng đồng; (4) thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực và (5) phát huy tính sáng tạo của cộng đồng (FAO, 2022). Mục đích là xóa bỏ sự phụ thuộc nặng nề vào chính phủ, đồng thời thúc đẩy quyền tự chủ và tinh thần tự nguyện của người dân địa phương. Chính phủ chỉ đóng vai trò hỗ trợ các vấn đề về chuỗi cung ứng, tư vấn, kết nối mạng lưới và mở ra các thị trường mới.

Trong vài thập kỷ qua, Thái Lan đã chuyển đổi chiến lược phương pháp tiếp cận phát triển nông thôn, vượt ra khỏi hệ thống canh tác đơn

canh truyền thống để áp dụng các phương pháp canh tác tổng hợp, cơ cấu hợp tác xã (HTX) và các sáng kiến cộng đồng bao trùm (Ponark & Ahmad, 2025). Sự chuyển đổi này cải thiện sinh kế nông thôn, tạo ra những con đường bền vững cho tăng trưởng kinh tế, đồng thời bảo tồn các giá trị văn hóa và tài nguyên môi trường (Nagashima & Kato, 2025). Chính phủ Thái Lan đã lồng ghép phát triển sản phẩm địa phương vào các CTMTQG, kết hợp với việc phát triển chuỗi giá trị, đào tạo nghề và marketing để đưa sản phẩm ra thị trường. Các sản phẩm đặc trưng được gắn liền với văn hóa và đặc điểm tự nhiên của từng địa phương, giúp tạo ra sự khác biệt và giá trị bền vững. Bằng cách xây dựng năng lực trong cộng đồng thay vì tạo ra sự phụ thuộc vào các nguồn lực bên ngoài, cách tiếp cận của Thái Lan tạo ra sự thay đổi lâu dài mà cộng đồng có thể duy trì và phát triển một cách độc lập.

3.4. Kinh nghiệm của Trung Quốc trong các chính sách xóa đói giảm nghèo

Trung Quốc được xem là một trong những quốc gia thành công nhất trong việc giảm nghèo quy mô lớn trong vài thập kỷ gần đây. Từ năm 1981 đến 2020, quốc gia này đã giảm tỷ lệ nghèo tuyệt đối từ hơn 88% dân số xuống gần 0% theo tiêu chuẩn nghèo quốc gia Trung Quốc (World Bank, 2021). Đặc biệt, thời kỳ cải cách, mở cửa, Trung Quốc rất coi trọng việc phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội cho người DTTS (Nguyễn Thị Ngọc Anh, 2024). Một số bài học về thành công của Trung Quốc trong công cuộc giảm nghèo: (i) Phát triển kinh tế gắn với giảm nghèo; (ii) Chương trình xóa đói giảm nghèo tập trung; (iii) Đa dạng hóa hình thức hỗ trợ; (iv) Chú trọng đến việc xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống giám sát, giúp đánh giá và điều chỉnh các chương trình trong suốt quá trình thực hiện và (v) Kết hợp với phát triển xã hội và y tế (Bình, 2025). Kinh nghiệm của Trung Quốc trong xóa đói giảm nghèo là bài học quý giá cho Việt Nam, đặc biệt là trong việc lồng ghép các CTMTQG, tối ưu hóa nguồn lực và đảm bảo tính bền vững trong phát triển.

3.5. Chính sách phát triển toàn diện nông thôn ở Nhật Bản

Chính sách phát triển toàn diện nông thôn ở Nhật Bản được thể hiện bằng việc ban hành luật và chiến lược đồng bộ nhằm ổn định và nâng cao đời sống ở khu vực nông thôn. Cụ thể, Nhật Bản có chính sách quốc gia về nông thôn được thiết lập định kỳ 5 năm một lần, do Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản chủ trì, dựa trên Luật Cơ bản về Lương thực, Nông nghiệp và Vùng nông thôn (OECD, 2020). Chính sách được thiết kế theo hướng lồng ghép giữa các chương trình nông nghiệp, an sinh xã hội, giáo dục và quản lý đất đai, bảo đảm tính đồng bộ trong phát triển. Nội dung chính xoay quanh bốn trụ cột: đa dạng hóa sinh kế và tạo việc làm; cải thiện điều kiện sống và duy trì cộng đồng nông thôn, miền núi; nâng cao năng lực và tạo sinh lực mới cho địa phương và quản lý đất bền vững nhằm ứng phó suy giảm dân số và tình trạng đất bỏ hoang.

Kết quả tổng hợp các mô hình phát triển nông thôn ở các nước này đã thành công và có nét tương đồng với các CTMTQG ở Việt Nam. Đây là cơ sở để xem xét, phân tích, áp dụng phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể ở mỗi địa phương của Việt Nam trong giai đoạn 2026-2030.

4. MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VÀ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC KHI THỰC HIỆN LỒNG GHÉP CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA Ở ĐỊA BÀN KHÓ KHĂN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2021-2025

4.1. Một số kết quả đạt được

4.1.1. Về thực hiện mục tiêu của các chương trình

Giai đoạn 2021-2025, ba CTMTQG đã cơ bản hoàn thành mục tiêu xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và đạt 6/9 mục tiêu của chương trình DTTS (Bộ Tài chính, 2025), qua đó đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội tại các địa bàn khó khăn. Đến cuối năm 2024, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều còn 1,93%, trong đó tỷ lệ hộ

nghèo vùng đồng bào DTTS đã giảm bình quân 4%/năm, cao hơn so với tỷ lệ giảm nghèo chung của cả nước, giúp thu hẹp chênh lệch giữa các vùng (Bộ Dân tộc và Tôn giáo, 2025). Đồng thời, các hạng mục đầu tư hạ tầng và phát triển kinh tế địa phương cũng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đa dạng hóa sinh kế và tăng thu nhập cho đồng bào DTTS&MN.

4.1.2. Về công tác chỉ đạo thực hiện các chương trình

Ở cấp Trung ương, việc triển khai 03 CTMTQG giai đoạn 2021-2025 dưới sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương, các CTMTQG đã được thực hiện đồng bộ, kịp thời và bảo đảm đúng định hướng, thống nhất từ Trung ương đến địa phương (Ban Chỉ đạo Trung ương các CTMTQG giai đoạn 2021-2025, 2025). Ở cấp địa phương, hầu hết các tỉnh đã chủ động hoàn thiện khung chính sách phù hợp với đặc điểm của từng vùng, qua đó tháo gỡ vướng mắc và đẩy nhanh tiến độ giải ngân. Các điều chỉnh tập trung vào: (i) Sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ một số nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn

ngân sách nhà nước; (ii) Sửa đổi, bổ sung quy định về hỗ trợ phát triển sản xuất và (iii) Hoàn thiện thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án và ban hành chính sách hỗ trợ sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị (Bộ Dân tộc và Tôn giáo, 2025).

4.1.3. Về phân bổ, giải ngân vốn

Các hạng mục đầu tư hạ tầng trong các CTMTQG được triển khai tương đối hiệu quả, với tiến độ giải ngân vốn đầu tư công cải thiện rõ rệt. Nhiều công trình thiết yếu như đường giao thông, điện, nước sinh hoạt, trường học, trạm y tế và nhà sinh hoạt cộng đồng đã được xây dựng, góp phần nâng cao đời sống đồng bào DTTS&MN ở địa bàn khó khăn. Tỷ lệ giải ngân vốn tăng mạnh qua các năm, phản ánh nỗ lực tháo gỡ vướng mắc và cho thấy các hạng mục đầu tư cơ bản, rõ ràng về mục tiêu, quy mô và quy trình, thường được triển khai nhanh, ít vướng thủ tục và hấp thụ vốn tốt hơn ở địa phương. Thành công này không chỉ khẳng định hiệu quả của việc tập trung nguồn lực vào hạ tầng thiết yếu mà còn củng cố niềm tin của người dân tại địa bàn khó khăn.

Bảng 1. Tình hình giải ngân nguồn vốn đầu tư công của 3 CTMTQG giai đoạn 2021-2025

Chương trình	Kế hoạch (Tỷ đồng)	2021-2024		2025 (tính đến 31/8/2025)	
		Vốn giải ngân (Tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)	Vốn giải ngân (Tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)
Xây dựng NTM	41.264,8	33.259,4	80,6	15.031,2	56
Giảm nghèo bền vững	44.607,567	27.475,599	61,7	2.269,87	42
Phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN	137.664,0	89.728,430	65,2	9.125,75	45
Tổng	223.536,37	150.463,43		26.426,81	

Nguồn: Ban Chỉ đạo Trung ương các CTMTQG giai đoạn 2021-2025 (2025); Bộ Dân tộc và Tôn giáo (2025).

Bảng 2. Địa bàn và đối tượng thụ hưởng của 3 CTMTQG giai đoạn 2021-2025

Chương trình	Địa bàn triển khai	Đối tượng thụ hưởng
Nông thôn mới	Toàn quốc gồm các xã, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có xã của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Người dân nông thôn, cộng đồng dân cư, hộ kinh doanh, HTX, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế - xã hội trên địa bàn nông thôn
Giảm nghèo bền vững	Trên phạm vi cả nước, trọng tâm là các huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người DTTS trong hộ nghèo, người lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, các địa bàn ĐBKK
Phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN	Xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN trên phạm vi toàn quốc, ưu tiên các địa bàn ĐBKK	Đồng bào DTTS, hộ nghèo, cận nghèo người dân tộc Kinh ở vùng DTTS&MN, xã, thôn, bản ĐBKK; Doanh nghiệp, HTX, liên hiệp HTX, các tổ chức kinh tế ở địa bàn ĐBKK

Nguồn: Thủ tướng Chính phủ (2021); Quốc hội (2021a); Quốc hội (2021b).

4.2. Khó khăn, vướng mắc

4.2.1. Về thiết kế nội dung chương trình

Cách thiết kế nội dung chương trình còn phức tạp gồm nhiều chính sách, dự án, tiểu dự án liên quan đến nhiều bộ, ngành, lĩnh vực cùng chủ trì thực hiện với khoảng gần 100 chính sách nhất là chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN (Đoàn giám sát Quốc hội khóa XV, 2023). Ngoài ra, nội dung giữa các CTMTQG có sự trùng lặp ở nhiều hạng mục như hạ tầng, sinh kế, đào tạo nghề, hỗ trợ sản xuất. Nhiều xã miền núi vừa thuộc diện nghèo, vừa nằm trong diện xây dựng NTM nên phải tiếp nhận nhiều nguồn vốn khác nhau, gây khó khăn cho khâu lập kế hoạch, báo cáo và giám sát (Xuân Hoa, 2025).

4.2.2. Về thể chế, văn bản hướng dẫn và cơ chế quản lý

Lần đầu tiên thực hiện cơ chế quản lý chỉ đạo chung cho 3 CTMTQG và thực hiện nguyên tắc đổi mới của Quốc hội là thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, tăng cường phân cấp cho địa phương và nhiều yêu cầu về đổi mới cơ chế quản lý, nội dung tiếp cận xây dựng chính sách kéo theo sự lúng túng về chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Việc chậm ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền quản lý, nội dung chưa rõ ràng, khó thực hiện, có nội dung trích dẫn đến nhiều văn bản khác đã làm chậm tiến độ thực hiện các chương trình. Cùng với đó, trong quá trình thực hiện các văn bản hướng dẫn của cấp trung ương, nhiều tỉnh còn lúng túng và có cách hiểu khác nhau kéo theo việc chậm triển khai và ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và giải ngân vốn (Ban Chỉ đạo Trung ương các CTMTQG giai đoạn 2021-2025, 2025).

4.2.3. Về cơ chế tài chính và giải ngân nguồn vốn

Tiến độ giải ngân vốn từ ngân sách trung ương của cả 3 CTMTQG còn chậm và khó hoàn thành mục tiêu giải ngân hết 100% vốn đầu tư công trong năm 2025. Đặc biệt, nguồn vốn sự nghiệp dành cho các hoạt động “mềm” như hỗ trợ sản xuất, đào tạo nghề hay nâng cao năng

lực rất khó triển khai. Diễn hình như tỷ lệ giải ngân vốn sự nghiệp của CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN chỉ đạt 67,8%, dẫn đến dư vốn và phải chuyển tiếp qua nhiều năm, làm giảm tính kịp thời của chính sách (Bộ Dân tộc và Tôn giáo, 2025). Thực trạng này chủ yếu do cơ chế phân bổ còn cứng nhắc, thủ tục phức tạp, tiêu chí thụ hưởng quá chặt chẽ và hạn chế về năng lực tổ chức thực hiện ở cơ sở, khiến nhiều hoạt động thiết yếu không được triển khai kịp thời, làm chậm tiến trình cải thiện đời sống và giảm hiệu quả chung các chương trình.

4.2.4. Về địa bàn và đối tượng thụ hưởng

Quá trình triển khai 3 CTMTQG còn tồn tại sự chồng chéo về địa bàn, đối tượng và nội dung thực hiện. Cụ thể, đối tượng thụ hưởng của 3 chương trình đều là các xã miền núi, vùng đồng bào DTTS nghèo; về địa bàn, có nhiều xã DTTS&MN vừa là xã nông thôn, vừa thuộc xã nghèo; hạng mục đầu tư hạ tầng, hỗ trợ sinh kế, đào tạo nghề trùng lặp về nội dung (Nguyễn Hoàng, 2025). Đặc biệt, CTMTQG giảm nghèo bền vững và CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS đều tập trung giải quyết các vấn đề về kinh tế - xã hội, hạ tầng tại cùng một địa bàn, dẫn đến trùng lặp trong việc xác định đối tượng, mục tiêu và hoạt động.

4.2.5. Về phân cấp và tổ chức thực hiện

Tình trạng manh mún, phân tán nguồn vốn khiến cho cơ chế lồng ghép, phân cấp, phân quyền theo chủ trương của Đảng và Nhà nước không được phát huy tính hiệu quả trong thực tế, gây lãng phí nguồn lực và kết quả thực hiện các CTMTQG chưa được như mong đợi. Việc lập kế hoạch vốn, phân bổ vốn, giao vốn ngân sách trung ương chậm, đến tháng 5/2022 Chính phủ mới trình Quốc hội phân bổ vốn cho các chương trình.

5. GỢI Ý CHO LỒNG GHÉP CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TẠI ĐỊA BÀN KHÓ KHĂN GIAI ĐOẠN 2026-2030

Trên cơ sở những khó khăn, vướng mắc gặp phải trong quá trình triển khai 3

CTMTQG giai đoạn 2021-2025, việc lồng ghép các CTMTQG trong giai đoạn tới cần được định hướng theo nguyên tắc nhất quán từ trung ương đến địa phương, bảo đảm tính thống nhất về mục tiêu, linh hoạt trong thực hiện và hiệu quả trong phân bổ nguồn lực. Trọng tâm là hoàn thiện cơ chế điều phối, cơ chế tài chính, rõ địa bàn, rõ đối tượng thụ hưởng, tăng cường phân cấp và giám sát, đồng thời thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng nhằm tăng tính bền vững cho các chương trình.

Trước hết, về thiết kế chương trình, cần chuyển từ cách tiếp cận theo từng chương trình rời rạc như giai đoạn trước sang mô hình tích hợp chức năng, tập trung vào kết quả đầu ra. Việc rà soát và loại bỏ các nội dung trùng lặp giữa các CTMTQG là cần thiết để xây dựng các hợp phần can thiệp có tính “mô-đun”, có thể kết nối linh hoạt giữa hạ tầng, sinh kế, dịch vụ xã hội cơ bản và nâng cao năng lực cộng đồng. Trung ương nên tập trung ban hành khung chính sách, bộ chỉ số kết quả và định mức chung; trong khi đó, địa phương được trao quyền quyết định danh mục hoạt động, phương án phân bổ vốn và lựa chọn đối tác triển khai phù hợp với điều kiện thực tế của từng vùng, từng nhóm đối tượng.

Về thể chế và điều phối, các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu, Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan đều nhấn mạnh vai trò của việc xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành, tăng cường năng lực thể chế địa phương và đảm bảo sự tham gia tích cực của cộng đồng. Vì vậy, giai đoạn tới cần xác lập một đầu mối điều phối thống nhất ở cấp trung ương để bảo đảm sự gắn kết giữa các chương trình, đồng thời thiết lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh có chức năng điều phối liên ngành đứng đầu là Chủ tịch tỉnh. Ở cấp cơ sở, nên hình thành cơ chế “đầu mối xã” làm trung gian tổng hợp nhu cầu, điều phối nguồn lực và theo dõi kết quả thực hiện. Bên cạnh đó, các địa bàn ĐBKK cần được áp dụng cơ chế đặc thù trong thủ tục đầu tư, mua sắm, nghiệm thu, nhằm rút ngắn thời gian và tăng tính linh hoạt trong thực hiện.

Đối với cơ chế tài chính, cần cải thiện phương thức phân bổ và giải ngân theo hướng

đơn giản, minh bạch và dựa trên kết quả. Thay vì áp dụng yêu cầu đối ứng ngân sách cứng như giai đoạn 2021-2025, có thể chuyển sang mô hình “trả theo kết quả” cho các hợp phần mềm như đào tạo nghề, truyền thông hay nâng cao năng lực. Việc lập kế hoạch trung hạn, gắn với các mốc giải ngân theo đầu ra, sẽ giúp các địa phương chủ động hơn trong quản lý nguồn vốn, đồng thời khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân thông qua các mô hình đối tác công - tư và phát triển chuỗi giá trị địa phương.

Về đối tượng và địa bàn thụ hưởng, cần cập nhật lại tiêu chí phân vùng sau khi hoàn thành việc sắp xếp đơn vị hành chính, bảo đảm xác định đúng địa bàn ưu tiên và tránh chồng chéo giữa các chương trình. Đồng thời, nên mở rộng nhóm “đối tượng dẫn dắt” trong các hợp phần sản xuất, bao gồm hộ mới thoát nghèo, hộ khá, HTX và doanh nghiệp địa phương. Kinh nghiệm Trung Quốc, Thái Lan và Hàn Quốc cho thấy, sự tham gia của các chủ thể này giúp gia tăng hiệu quả sử dụng vốn, tạo động lực lan tỏa, thúc đẩy phát triển bền vững ở vùng khó khăn.

Cuối cùng, về phân cấp và trách nhiệm giải trình, cần thực hiện phân cấp thực chất cho chính quyền địa phương, giúp họ chủ động lập kế hoạch, lựa chọn đối tác và triển khai các hoạt động phù hợp. Cộng đồng dân cư cần được tham gia từ khâu lập kế hoạch, giám sát đến đánh giá kết quả, nhằm nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm xã hội. Trung ương có thể ứng dụng công nghệ số trong giám sát, thiết lập hệ thống dashboard dữ liệu trực tuyến và hệ thống mẫu báo cáo đồng nhất để theo dõi tiến độ, giải ngân và kết quả đầu ra. Kinh nghiệm từ mô hình điều phối liên ngành trong chương trình phát triển nông thôn của Hàn Quốc (Saemaul Undong) hay cơ chế quản trị đa cấp của EU trong phong trào làng thông minh cho thấy tầm quan trọng của mạng lưới điều phối đa cấp nhằm đảm bảo sự thống nhất trong triển khai ở các cấp địa phương.

Tóm lại, giai đoạn 2026-2030 cần hướng đến mô hình lồng ghép CTMTQG theo phương thức quản trị hiện đại, lấy kết quả làm trung tâm, có cơ chế linh hoạt và phối hợp đa cấp. Chỉ

khi chương trình tích hợp được thiết kế tinh gọn, phân cấp hợp lý và gắn kết chặt chẽ với nhu cầu thực tiễn, việc lồng ghép mới phát huy tối đa hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển bền vững và thu hẹp khoảng cách giữa các vùng, nhất là vùng đồng bào DTTS&MN.

6. KẾT LUẬN

Việc lồng ghép các CTMTQG giúp đồng bộ mục tiêu, tối ưu hóa sử dụng nguồn lực, giảm trùng lặp và xung đột chính sách, nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt trong các khu vực nghèo, khó tiếp cận dịch vụ cơ bản. Tổng hợp kinh nghiệm quốc tế cho thấy, nhiều quốc gia châu Âu, Hàn Quốc, Thái Lan, Trung Quốc và Nhật Bản đều triển khai lồng ghép chính sách phát triển nông thôn, kết hợp các chương trình nông nghiệp, an sinh xã hội, đào tạo và quản lý đất đai, đồng thời chú trọng xây dựng năng lực cộng đồng, tạo ra các mô hình phát triển bền vững và tự chủ. Tại Việt Nam, thực tiễn triển khai 3 CTMTQG giai đoạn 2021-2025 cho thấy, các chương trình đã đạt nhiều kết quả tích cực như giảm nghèo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, cải thiện sinh kế và đời sống của đồng bào DTTS&MN, song vẫn còn tồn tại những khó khăn về thiết kế chương trình, cơ chế thể chế, nguồn lực tài chính, tiến độ giải ngân và sự phối hợp giữa các chương trình. Vì vậy, giai đoạn 2026-2030, Trung ương cần tập trung hoàn thiện cơ chế lồng ghép linh hoạt giữa các chương trình, tăng cường năng lực quản trị, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong triển khai và giám sát, đồng thời khuyến khích sự tham gia của cộng đồng. Việc áp dụng đồng bộ các giải pháp này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả triển khai các CTMTQG, hướng tới phát triển bền vững và giảm nghèo toàn diện tại các địa bàn khó khăn.

LỜI CẢM ƠN

Bài báo là một phần sản phẩm của đề tài KH&CN cấp Quốc gia: “Nghiên cứu đề xuất giải pháp lồng ghép các chương trình chính sách để thực hiện hiệu quả chương trình nông thôn mới ở địa bàn khó khăn”. Mã số: 05/HĐ-KHCNNTM-2025

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ahmad E., Tandberg E. & Zhang P. (2002). On National or Supranational Objectives: Improving the Effectiveness of Targeted Expenditure Programs. International Monetary fund.
- Asian Development Bank (ADB) (2012). The Saemaul Undong Movement in the Republic of Korea: Sharing Knowledge on Community-Driven Development. Retrieved from <https://www.adb.org/publications/saemaul-undong-movement-republic-korea>, on Sep 25, 2025.
- Ban Chỉ đạo Trung ương các CTMTQG giai đoạn 2021-2025 (2025). Báo cáo tóm tắt tổng kết CTMTQG xây dựng NTM, chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, định hướng giai đoạn 2026-2035. Tài liệu Hội nghị toàn quốc tổng kết CTMTQG giai đoạn 2021 - 2025 tại Hà Nội.
- Bình T. (2025). Kinh nghiệm của Trung Quốc trong giảm nghèo bền vững-bài học cho Việt Nam. Cổng thông tin điện tử Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Truy cập từ <https://bvhttdl.gov.vn/kinh-nghiem-cua-trung-quoc-trong-giam-ngheo-ben-vung-bai-hoc-cho-viet-nam-20251023143345276.htm>, ngày 25/10/2025.
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo (2025). Báo cáo tình hình thực hiện CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021-2025 và kiến nghị, giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Số 169/BC-BDTTTG ngày 30/3/2025.
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (2025). Tờ trình 216/TT-BNNMT ngày 23/11/2025 về đề xuất chủ trương đầu tư CTMTQG xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026-2035.
- Bộ Tài chính (2025). Cơ chế đặc thù giúp triển khai hiệu quả các CTMTQG. Thời báo Tài chính. Truy cập từ <https://surl.lumagikf>, ngày 25/9/2025.
- Chính phủ (2022). Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 (sửa đổi bởi Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023) về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các CTMTQG.
- Claymone Y., & Wareenil C. (2012). Sustainable Local Development on Grassroots Economy through the OVOP/OTOP Approach in Thailand. Significance of the Regional One-Product Policy. 15. Retrieved from <http://www.iovoppa.org/files2/Book%20Murayama.pdf>, on Oct 10, 2025.
- Do K.C., Nguyen P.L. & Luu V.D. (2015). Implementation of poverty reduction policies: an analysis of national targeted program for poverty reduction in the northwest region of Vietnam. International Journal of Business and Social Science. 6(9): 76-86.

- Đăng Doanh (2025). Lồng ghép chương trình, phát huy vai trò của địa phương và người dân trong công tác giảm nghèo. Tạp chí Tổ chức Nhà nước và Lao động. Truy cập từ <https://surli.cc/xmknvpv>, ngày 05/10/2025.
- Đoàn giám sát Quốc hội khóa XV (2023). Báo cáo tóm tắt kết quả giám sát việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các CTMTQG về xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030.
- European Network for Rural Development (ENRD) (2018). EU Rural Review 26: Smart Villages-Revitalising rural services through social and digital innovation. Brussels: ENRD. Retrieved from https://enrd.ec.europa.eu/sites/enrd/files/enrd_publications/publi-enrd-rr-26-2018-en.pdf, on Oct 20, 2025.
- European Parliament (2021). Smart Villages: Concept, issues and prospects for EU rural areas. Brussels: European Parliamentary Research Service. Retrieved from https://www.europarl.europa.eu/RegData/etudes/BRIE/2021/689349/EPRS_BRI_2021_689349_EN.pdf, on Oct 20, 2025.
- FAO (2022). One Tambon One Product (OTOP) to promote grassroots economy in Thailand. Retrieved from <https://sorts.one/eOV>, on Oct 22, 2025.
- Hanh N.T.M., Trang D.T. & Trang V.T. (2015). Resources Mobilization by Self-Help Approach to Rural Development Program in Vietnam: Lessons from Saemaul Undong in Korea. KOICA. Working Paper No. 87.
- Harakařová Ľ. (2018). Smart villages-new concept of rural development of the EU. on European Integration. p. 413.
- Korea International Cooperation Agency (KOICA) (2015). Collaborative research project on new rural development in Vietnam in comparison with Korea's Saemaul Undong. Retrieved from <https://www.kdevelopedia.org/Resources/view/05201701190147079.do>, on Oct 22, 2025.
- Linh N.T.M., Hanh N.T.B., Vien N.T.H., Huyen N.T., Dong N.T., & Huyen C.T.H. (2024). Result of implementing the components of the National Target Program on New Rural Construction in Binh Gia District, Lang Son Province in 2024. Journal of Research in Environmental and Earth Sciences. 10(12): 83-93.
- Moschitskaya Tatyana. A. (2010). The State Target Programs as the Effective Tool of Stimulation of Development of Economy. The Problems of Economy, Research Center for Industrial Development Problems of NAS (Kharkiv, Ukraine). 3: 28-33.
- Nagashima F. & Kato H. (2025). Impacts of One Tambon One Product program on household income in Thailand. Journal of Entrepreneurship in Emerging Economies. 17(6): 1611-1635. <https://doi.org/10.1108/JEEE-10-2024-0466>.
- Nguyễn Thị Ngọc Anh (2024). Kinh nghiệm phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội cho người DTTS ở Trung Quốc và một số gợi mở đối với đồng bào dân tộc Khmer vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Truy cập từ <https://surl.li/iiiazuz>, ngày 20/10/2025.
- Nguyễn Hoàng (2025). Hợp nhất 3 CTMTQG là cần thiết. Truy cập từ <https://baochinhphu.vn/hop-nhat-3-chuong-trinh-muc-tieu-quoc-gia-la-can-thiet-102251015091902171.htm>, ngày 22/10/2025.
- Ninh H.N., Thao L.P., Anh T.T.C., Hung H.V., Thuy D.T. & Thuy N. (2024). The contribution of livelihood diversification activities to poverty reduction of ethnic minority households: A case study in Son La Province, Vietnam. Journal of Infrastructure, Policy and Development. 8(6): 6465. <https://doi.org/10.24294/jipd.v8i6.6465>.
- Phan Thị Tuyết Minh (2022). Bồi dưỡng đội ngũ chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đáp ứng yêu cầu quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả. Tạp chí Quản lý nhà nước. (322): 55-58.
- Phuong V.T.H. (2023). The National Target Program on Building New-Style Rural Areas in Vietnam: The Current Situation and Solutions in Economic Aspects. European Journal of Social Sciences Studies. 8(5): 58-72.
- Ponark V. & Ahmad M.M. (2025). One Tambon One Product (OTOP) implementation by the Thai Government. Development in Practice. 35(1): 60-73.
- Quốc hội (2019). Luật Đầu tư công. Số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.
- Quốc hội (2021a). Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.
- Quốc hội (2021b). Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư CTMTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025.
- Quốc hội (2024). Luật Đầu tư công. Số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024.
- Stojanova S., Lentini G., Niederer P., Egger T., Cva, N., Kos A. & Stojmenova Duh E. (2021). Smart villages policies: Past, present and future. Sustainability. 13(4): 1663.
- Tung D.T., Diem L.T.T., Luan D.X. & Linh N.H.K. (2022). The National Target Program for New Rural Development in Vietnam: An Understanding of People's Participation and Its Determinants. Sustainability. 14(19): 12140.
- Thủ tướng Chính phủ (2021). Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội

- vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021-2025.
- Trang V.T., Trang D.T. & Hanh N.T. (2014). How to mobilize community involvement in Vietnam rural development: Inspiration under the New Community Movement of Korea-Saemaul Undong. Hanoi, Vietnam: The global Research capacity building program Korea international cooperation agency.
- Trần Ngọc Ngân & Nguyễn Thị Thanh Hà (2025). Giải quyết vấn đề cơ bản và cấp bách ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi hiện nay - Thực trạng và giải pháp. Tạp chí Nghiên cứu Khoa học và Phát triển. 4(2): 76-82.
- UNDP (2017). Mainstreaming the 2030 Agenda for Sustainable Development: Reference Guide to UN Country Teams. New York, NY: United Nations Development Programme.
- UNDP (2023). Poverty reduction in comparative perspective: Lessons for Vietnam from international experience. UNDP.
- UNEP (2016). Mainstreaming Environment and Climate for Poverty Reduction and Sustainable Development: A Handbook to Strengthen Planning and Budgeting Processes. Nairobi, Kenya: UNEP.
- Ủy ban Dân tộc (2024). Báo cáo chuyên đề: Kết quả thực hiện CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030 6 tháng đầu năm 2024.
- Stenson E. (2017). Revitalisation of rural areas through Smart Villages. Opinion: European Committee of the Region: 126th plenary session - 30 November/1 December 2017.
- Văn phòng Chính phủ (2025). Thông báo số 560/TB-VPCP ngày 17/10/2025 về kết luận của Phó thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình tại cuộc họp về hợp nhất các CTMTQG: Xây dựng NTM, Giảm nghèo bền vững, Phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN.
- World Bank (2018). Program-for-Results: An Update and Lessons Learned. Washington DC.
- World Bank (2025). Vietnam 2045-Breaking Through: Institutions for a High-Income Future. Retrieved from <https://www.worldbank.org/en/country/vietnam/publication/viet-nam-2045-breaking-through-institutions-for-a-high-income-future>., on Oct 20, 2025.
- Xuân Hoa (2025). Tích hợp 3 CTMTQG để tăng hiệu quả đầu tư. Truy cập từ <https://vnexpress.net/tich-hop-3-chuong-trinh-muc-tieu-quoc-gia-de-tang-hieu-qua-dau-tu-4951928.html>, ngày 22/10/2025.